

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Trình độ đào tạo	:	Đại học
Ngành đào tạo	:	Luật
Tên tiếng Anh	:	Law
Tên các chuyên ngành	:	▪ Luật dân sự ▪ Luật kinh tế
Mã ngành	:	7380101
Loại hình đào tạo	:	Chính quy
Hình thức đào tạo	:	Tập trung
Khóa:	:	2021-2025

(Ban hành theo Quyết định số 151A /QĐ-ĐHTBD ngày 21/8 /2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương)



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo trường Đại học Thái Bình Dương được thiết kế theo triết lý giáo dục khai phóng và hệ tín chỉ phổ biến tại các trường đại học ở Mỹ và Canada.

Trên nền tảng giáo dục khai phóng, chương trình đào tạo TBD mang đến cho sinh viên một **chuyên môn sâu** trên **nền tảng rộng** các năng lực tổng quát, giúp người học thích nghi nhanh và thành công trong môi trường làm việc năng động, đa dạng và nhiều biến đổi.

Chuyên môn sâu: Sinh viên khám phá các học phần chuyên ngành kết hợp ứng dụng tức thời và thường xuyên vào thực tiễn việc làm thông qua các đề án, hoạt động thực hành tích hợp, hai kỳ thực tập, các chuyên đề với chuyên gia trong nước và quốc tế.

Nền tảng rộng: Sinh viên rèn luyện liên tục các nhóm kiến thức và năng lực sau:

- Kiến thức tổng quát về con người, xã hội và tự nhiên
- Kỹ năng thực hành và năng lực trí tuệ
- Trách nhiệm cá nhân và đạo đức xã hội
- Thích nghi thực tiễn
- Ngoại ngữ

Cử nhân Luật hướng đến đào tạo những chuyên gia pháp lý cho tương lai, những người nắm vững kiến thức kinh tế, văn hóa, xã hội và pháp lý đủ để tự nghiên cứu hệ thống pháp luật Việt Nam, thông thạo Anh văn đủ để từng bước mở rộng tầm nhìn sang các hệ thống pháp luật nước ngoài và quốc tế. Cử nhân Luật được định hướng chuyên về pháp luật kinh doanh, có thể trở thành chuyên viên pháp lý trong doanh nghiệp, tổ chức xã hội hoặc làm việc trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị Việt Nam, đồng thời cũng tích lũy kiến thức, kỹ năng và thái độ đủ tự tin để độc lập hành nghề trong một thị trường việc làm đang thay đổi rất nhanh.

1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes – PLO)

1.2.1. Mục tiêu cụ thể

- Sinh viên ngành Luật có kiến thức cơ bản về xã hội, kinh tế và luật học, những kiến thức chuyên sâu về pháp luật trong kinh doanh, đủ khả năng tiếp cận và xử lý những vấn đề pháp lý đặt ra trong thực tiễn hoạt động kinh doanh;
- Có kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Áp dụng những kiến thức chuyên sâu vào pháp luật hợp đồng thương mại quốc tế, pháp luật về đầu tư, pháp luật doanh nghiệp, giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh;
- Có năng lực học tập, nghiên cứu, phân tích pháp luật, phân tích rủi ro pháp lý;

- Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, đàm phán, làm việc nhóm và soạn thảo hợp đồng, văn bản pháp lý nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề của ngành, chuyên ngành;
- Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập;
- Có phẩm chất đạo đức lối sống, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhà nước, có nhân cách và kỷ cương;
- Có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

1.2.2. Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes – PLO.)

Kiến thức

PLO.1: Nhận biết, giải thích và khả năng hệ thống hóa kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội, cụ thể là luật và kinh tế; biết vận dụng giải quyết các vấn đề pháp lý đặt ra trong đời sống - xã hội; nắm bắt kiến thức về lý luận chính trị, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, an ninh quốc phòng và giáo dục thể chất.

PLO.2: Diễn giải một cách có hệ thống các kiến thức tổng quát về các lĩnh vực văn hóa, lịch sử và xã hội để giải quyết các mối quan hệ trong tổ chức, điều hành và quản lý.

PLO.3: Nhận biết, diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế kiến thức cơ sở ngành vững chắc, nắm vững các kiến thức chuyên môn ngành đào tạo đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

PLO.4: Nhận biết, diễn giải kiến thức pháp luật vững chắc về lĩnh vực luật kinh tế, am hiểu các kiến thức thực tiễn mang tính thời sự về hoạt động kinh tế trong nước cũng như thế giới.

PLO.5: Đọc, hiểu, xử lý, lập và phân tích vận dụng lý thuyết vào công tác chuyên môn, vận dụng các kiến thức chuyên ngành vào kỹ năng thực hành giải quyết các vụ án, vụ việc, có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc về pháp luật.

Kỹ năng

PLO.6: Kỹ năng xử lý, soạn thảo văn bản trong hành chính, quản lý, điều hành và kinh doanh; biết khai thác hiệu quả thông tin qua internet.

PLO.7: Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn và các dạng tư duy khác (biện chứng, phân tích, phán đoán).

PLO.8: Có kỹ năng làm việc nhóm.

PLO.9: Có kỹ năng giao tiếp, lập luận, thuyết trình, kỹ năng viết chuyên ngành.

Thái độ và đạo đức nghề nghiệp

PLO.10: Có phẩm chất chính trị - đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị; có sức khỏe tốt, phù hợp với hoạt động nghề nghiệp ngành, chuyên ngành.

PLO.11: Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, làm việc khoa học;

PLO.12: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực pháp luật, kinh tế đã được đào tạo.

PLO.13: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp về pháp lý.

2. Vị trí làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp đại học

Sau khi tốt nghiệp, người học có cơ hội làm việc như sau:

- Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật có thể làm việc ở các doanh nghiệp với tư cách là chuyên viên pháp lý phụ trách những công việc liên quan đến đàm phán, soạn thảo, ký kết hợp đồng; đề xuất giải pháp xử lý tình huống pháp lý trong kinh doanh;
- Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật với kiến thức luật học, có thể phụ trách các công việc liên quan đến pháp luật và kinh tế trong các cơ quan nhà nước (các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp), trong các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội;
- Thẩm phán ở các tòa án: sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể tham gia thi tuyển công chức vào các tòa án để đảm nhiệm vị trí thư ký tòa án. Sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm xử lý sẽ được đề cử tham gia lớp bồi dưỡng chuyên môn và bổ nhiệm chức danh thẩm phán. Người được bổ nhiệm thẩm phán sẽ được nhân danh nhà nước tiến hành xét xử các vụ tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, xét xử các tội phạm và quyết định các vấn đề khác thuộc lĩnh vực tư pháp;
- Sinh viên tốt nghiệp ngành Luật còn có thể làm việc tại các trung tâm tư vấn trong lĩnh vực kinh tế và pháp luật;
- Luật sư: sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học thêm một khóa nghiệp vụ luật sư và trải qua thời gian tập sự theo quy định pháp luật, sau đó có thể tự mình tư vấn, đại diện, bào chữa cho người dân, các doanh nghiệp tại các phiên tòa hoặc tại các cơ quan quản lý nhà nước;
- Thành lập các công ty luật hoặc mở văn phòng luật sư: sau khi tích lũy một số kinh nghiệm thực tiễn, người tốt nghiệp cử nhân luật kinh tế có thể liên kết với bạn bè, đồng nghiệp mở các công ty luật, các văn phòng luật sư để thực hiện các hoạt động pháp lý cho các doanh nghiệp;
- Công chứng viên: sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể học thêm một khóa nghiệp vụ công chứng viên và trải qua thời gian tập sự 12 tháng, sau đó đề nghị cơ quan có thẩm quyền công nhận và cấp thẻ hành nghề công chứng viên theo quy định của pháp luật. Người trở thành công chứng viên có thể mở văn phòng công chứng hoặc hợp tác mở văn phòng công chứng để thực hiện các dịch vụ pháp lý theo quy định pháp luật.

3. Thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức toàn khóa

Thời gian đào tạo: 3,5 năm

Khối lượng kiến thức toàn khóa: 130 tín chỉ (đã bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh

Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế nếu đủ điều kiện sau đây đều có thể dự thi hoặc xét tuyển:

- Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung cấp;
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành.

5. Chương trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp quy trình đào tạo

5.1. Quy trình đào tạo

Theo Quyết định số Số 137/QĐ-ĐHTBD ngày 25/09/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương về việc ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Thái Bình Dương.

5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên và không có môn học không đạt.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và đạt các môn Giáo dục thể chất.
- Với 18 tín chỉ tiếng Anh sinh viên có chuẩn đầu ra tương đương IELTS 5.0.
- Với 3 tín chỉ môn Công nghệ thông tin thời đại số, sinh viên có chuẩn đầu ra tương đương chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
- Và một số quy định khác theo học chế tín chỉ ban hành theo Quyết định Số 137/QĐ-ĐHTBD ngày 25/09/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

6. Thang điểm

Chương trình đào tạo sử dụng thang điểm như quy định tại Quy chế Đào tạo Trường Đại học Thái Bình Dương, ban hành theo Quyết định Số 137/QĐ-ĐHTBD ngày 25/09/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thái Bình Dương.

7. Nội dung chương trình

7.1. Nhóm học phần khai phóng

7.1.1. Kiến thức và kỹ năng tổng quát (12 tín chỉ)

Chọn 12 tín chỉ trong danh sách các môn giáo dục tổng quát, trong đó bắt buộc phải tích lũy 03 tín chỉ môn Công nghệ thông tin thời đại số, 09 tín chỉ còn lại tùy chọn trong các nhóm dưới đây:

- Nhóm A - Kiến thức tổng quát về con người, xã hội và tự nhiên
- Nhóm B - Kỹ năng thực hành và năng lực trí tuệ
- Nhóm C - Trách nhiệm cá nhân và đạo đức xã hội
- Nhóm D - Thích nghi thực tiễn

Ghi chú:

- Phụ lục 1: Danh sách các học phần kiến thức và kỹ năng tổng quát
- Tùy thuộc vào kế hoạch học tập của sinh viên và điều kiện của nhà trường tại mỗi học kỳ, các học phần có thể được mở hoặc không mở.

7.1.2. Ngoại ngữ (18 tín chỉ)

Sinh viên hoàn thành 18 tín chỉ ngoại ngữ.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tiết	Tín chỉ	Học phần học trước	Ghi chú
1	TA101E1	Tiếng Anh 1	45	3		
2	TA102E1	Tiếng Anh 2	45	3	TA101E1	
3	TA103E1	Tiếng Anh 3	45	3	TA102E1	
4	TA104E1	Tiếng Anh 4	45	3	TA103E1	
5	TA105E1	Tiếng Anh 5	45	3	TA104E1	
6	TA106E1	Tiếng Anh 6	45	3	TA105E1	
Cộng				18		

7.1.3. Học phần tư tưởng chính trị (11 tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tiết	Tín chỉ	Học phần học trước	Ghi chú
1	GDTQ101V1	Triết học Mác - Lênin	45	3		
2	GDTQ102V1	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	30	2	GDTQ101V1	
3	GDTQ103V1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	30	2	GDTQ102V1	
4	GDTQ104V1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	30	2	GDTQ103V1	
5	GDTQ105V1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	30	2	GDTQ104V1	
Cộng				11		

7.1.4. Giáo dục thể chất và Quốc phòng (9 tín chỉ)

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tiết	Tín chỉ	Học phần học trước	Ghi chú
1	GDTQ106V1	Giáo dục thể chất 1	15	1		
2	GDTQ107V1	Giáo dục thể chất 2	15	1	GDTQ106V1	
3	GDTQ108V1	Giáo dục thể chất 3	15	1	GDTQ107V1	
4	GDTQ109V1	Giáo dục Quốc phòng	90	6		
Cộng				9		

7.2. Học phần ngành

7.2.1. Cơ sở ngành (21 tín chỉ)

Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần cơ sở ngành.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tiết	Tín chỉ	Học phần học trước	Ghi chú
1	LUAT102V1	Lý luận nhà nước và pháp luật	45	3		
2	LUAT103V1	Luật hiến pháp và quyền con người	30	2	LUAT102V1	
3	LUAT104V1	Luật dân sự 1 - Những vấn đề chung	30	2	LUAT102V1	
4	LUAT105V1	Luật dân sự 2 - Tài sản, quyền sở hữu và thừa kế	30	2	LUAT104V1	
5	LUAT106V1	Luật dân sự 3 - Nghĩa vụ, hợp đồng và bồi thường ngoài hợp đồng	45	3	LUAT105V1	
6	LUAT107V1	Luật hình sự 1 - Những vấn đề chung	30	2	LUAT102V1	
7	LUAT108V1	Luật hình sự 2 - Phần các tội phạm	30	2	LUAT107V1	
8	LUAT109V1	Luật thương mại 1 - Các chủ thể kinh doanh	45	3	LUAT102V1	
9	LUAT110V1	Luật thương mại 2 - Các hoạt động thương mại	30	2	LUAT109V1	
Cộng				21		

7.2.2. Ngành (29 tín chỉ)

Sinh viên phải hoàn thành tất cả các học phần chuyên ngành.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tiết	Tín chỉ	Học phần học trước	Ghi chú
1	LUAT209V1	Thực tập nhận thức	30	2		
2	LUAT212V1	Đồ án cơ sở	45	3		
3	LUAT213V1	Đồ án chuyên ngành	45	3		
4	LUAT210V1	Chuyên đề 1	15	1		
5	LUAT211V1	Chuyên đề 2	30	2		
6	LUAT201V1	Luật hành chính và tổ tụng hành chính	45	3		

7	LUAT202V1	Luật tổ tụng dân sự và thi hành án dân sự	30	2	LUAT106V1	
8	LUAT203V1	Luật tổ tụng hình sự	30	2	LUAT108V1	
9	LUAT204V1	Luật lao động	45	3		
10	LUAT205V1	Luật đất đai	30	2		
11	LUAT206V1	Tư pháp quốc tế	30	2		
12	LUAT207V1	Công pháp quốc tế	30	2		
13	LUAT208V1	Pháp luật sở hữu trí tuệ	30	2		
Cộng				29		

7.2.3. Tự chọn chuyên ngành (9 tín chỉ)

Sinh viên chọn một trong 02 chuyên ngành, mỗi chuyên ngành được mở tùy theo điều kiện của từng khóa học và điều kiện của nhà trường.

STT	Mã học phần	Tên học phần	Tổng số tiết	Tín chỉ	Học phần học trước	Ghi chú
Chuyên ngành: Luật dân sự						
1	LUAT301V1	Pháp luật hôn nhân và gia đình	30	2		
2	LUAT302V1	Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	30	2		
3	LUAT303V1	Xây dựng văn bản pháp luật	30	2		
4	LUAT304V1	Pháp luật công chứng, chứng thực và hộ tịch	45	3		
Cộng				9		
Chuyên ngành: Luật kinh tế						
1	LUAT305V1	Luật cạnh tranh	30	2		
2	LUAT306V1	Luật thuế và ngân sách	30	2		
3	LUAT307V1	Pháp luật thương mại quốc tế	30	2		
4	LUAT308V1	Luật đầu tư và kinh doanh bất động sản	45	3		
Cộng				29		

7.3. Học phần ngành phụ hoặc tự chọn tự do (15 tín chỉ)

Sinh viên hoàn thành 15 tín chỉ và có thể lựa chọn một trong hai tùy chọn sau: ngành phụ, tự chọn tự do (Xem phụ lục 2: Danh sách học phần Ngành phụ và học phần tự chọn tự do).

▪ Ngành phụ

Sinh viên lựa chọn một trong các ngành phụ trong danh sách và hoàn thành 15 tín chỉ của ngành phụ đã chọn.

▪ Tự chọn tự do

Sinh viên hoàn thành 15 tín chỉ tự chọn tự do (trong đó phải có 6 tín chỉ các học phần khác ngành đang học thuộc danh sách tự chọn tự do, 9 tín chỉ các học phần giáo dục tổng quát và học phần ngành).

7.4. Tốt nghiệp (6 tín chỉ)

Sau khi sinh viên hoàn thành tất ít nhất 70% số tín chỉ của CTĐT (84 tín chỉ, không kể tín chỉ GDTC và GDQP), sinh viên có thể đăng ký học phần tốt nghiệp theo **MỘT** trong hai hướng sau:

- Thực tập tốt nghiệp (6 tín chỉ): theo quy định về thực tập của nhà trường.
- Khóa luận tốt nghiệp (6 tín chỉ): GPA tại thời điểm đăng ký là 2.8 trở lên.

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

Các học phần tự chọn trong nhóm học phần khai phóng, tự chọn chuyên ngành, việc xem xét mở môn tùy thuộc vào điều kiện thực tế tại từng học kỳ như: sĩ số sinh viên đăng ký, giảng viên, các điều kiện cơ sở vật chất.

Tất cả các học phần được giảng dạy theo Đề cương môn học đã được duyệt và phải được cung cấp, giải thích cho sinh viên ngay từ đầu học kỳ.

Tùy theo số tín chỉ đã tích lũy ở bất kỳ thời điểm xem xét, sinh viên sẽ được phân loại theo năm học như sau:

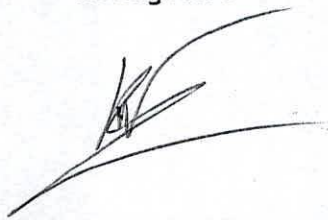
Loại SV	Số tín chỉ đạt
SV năm I	0 – 41
SV năm II	42 – 84
SV năm III	85 – 124
SV năm IV	Từ 125 trở lên

Việc phân loại sinh viên theo số tín chỉ, so sánh với số năm học danh nghĩa cũng là căn cứ để xác định tình trạng học tập của sinh viên. Do đó, sinh viên cần có kế hoạch học tập cá nhân phù hợp để hoàn thành Chương trình đào tạo trong thời gian tối đa được phép học tại trường.

9. Phụ lục đính kèm

- **Phụ lục 1:** Danh sách học phần kiến thức và kỹ năng tổng quát
- **Phụ lục 2:** Danh sách học phần ngành phụ và học phần tự chọn khác ngành
- **Phụ lục 3:** Kế hoạch giảng dạy dự kiến (lộ trình mẫu)

Trưởng Khoa



TS. Nguyễn Bá Hùng

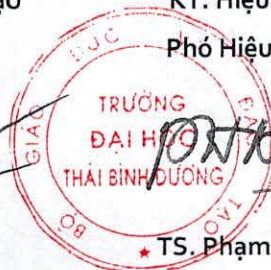
Q. Trưởng Phòng Đào tạo



ThS. Đinh Văn Hương

KT. Hiệu Trưởng

Phó Hiệu Trưởng



TS. Phạm Quốc lộc

